TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Thành phố Bến Tre, ngày 07 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 269/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1960. Địa chỉ: đường T, khu phố A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Võ Tuyết H, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp A, xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Võ Tuyết H chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Tuyết M số tiền 592.652.500 (Năm trăm chín mươi hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm) đồng, gồm 475.000.000 (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu) đồng tiền vốn gốc và 117.652.500 (một trăm mười bảy triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền lãi. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu chồng bà H chịu trách nhiệm liên đới trả khoản nợ trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sau khi được giảm 50% là: 13.853.000 (Mười ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng, bà Trần Thị Tuyết M và bà Võ Tuyết H mỗi người chịu 50% là 6.926.500 (Sáu triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

Bà M thuộc đối tượng được miễn án phí. Bà H phải nộp án phí là 6.926.500 (Sáu triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPBT;
- Tòa án tỉnh BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPBT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi